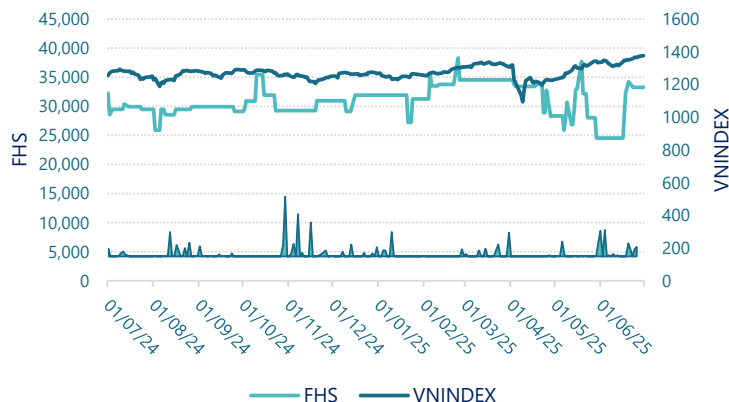




CTCP Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh - FAHASA (UPCOM: FHS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	34,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	38,291
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,531
SL cổ phiếu LH	12,751,462
KLGD BQ 20 phiên (CP)	165
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	434
P/E	7.5
EPS	4,563

DT thuần

Q2/25

1,212

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 440 | 57.0%

YoY: ▲ 99.0 | 8.9%

LN sau thuế

Q2/25

7.65

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 8.15 | -51.6%

YoY: ▲ 0.64 | 9.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

0.8%

DT thuần

6T 2025

1,984

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 156 | 8.5%

LN sau thuế

6T 2025

23.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.00 | 4.1%

ROE

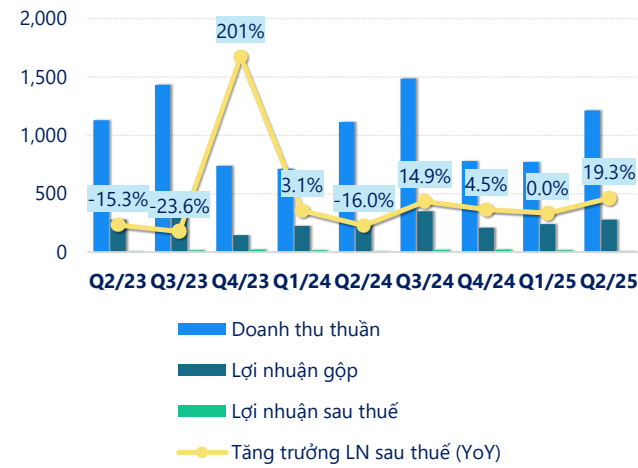
Q2/25

28.6%

+/- YoY: ▼ 1.8%

tỷ VNĐ

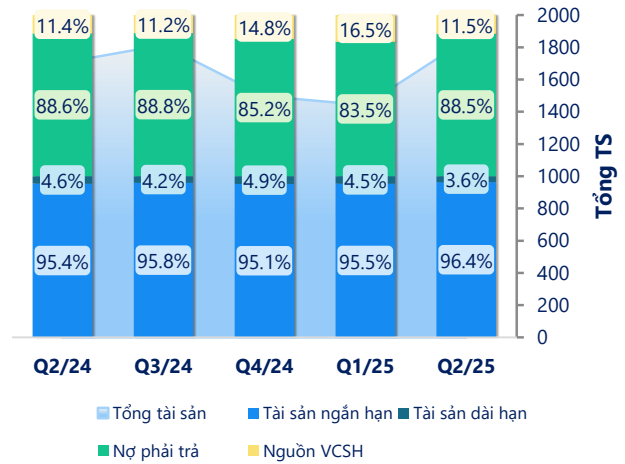
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

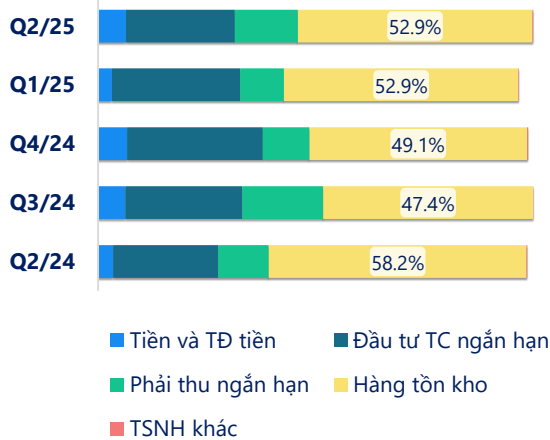
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



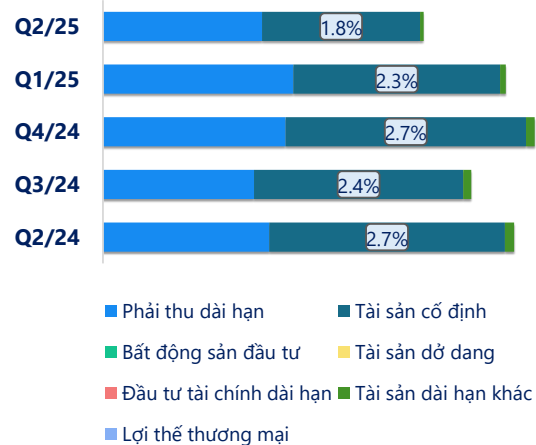
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

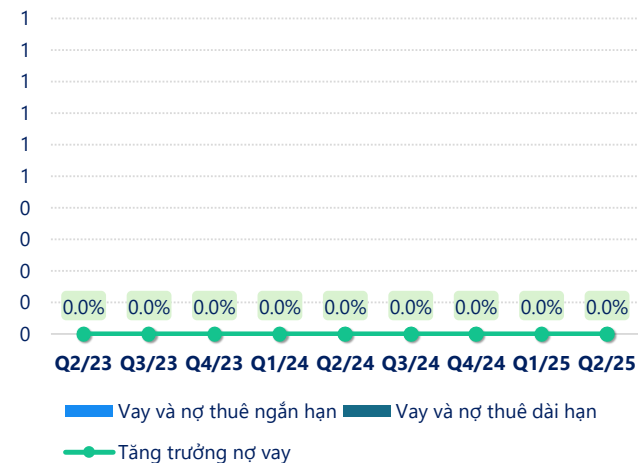
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

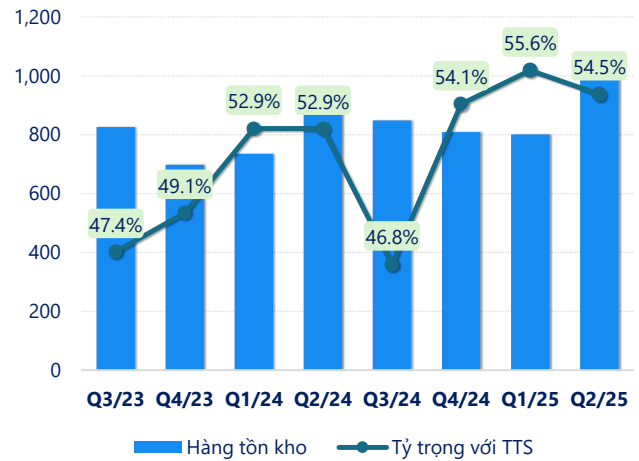
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

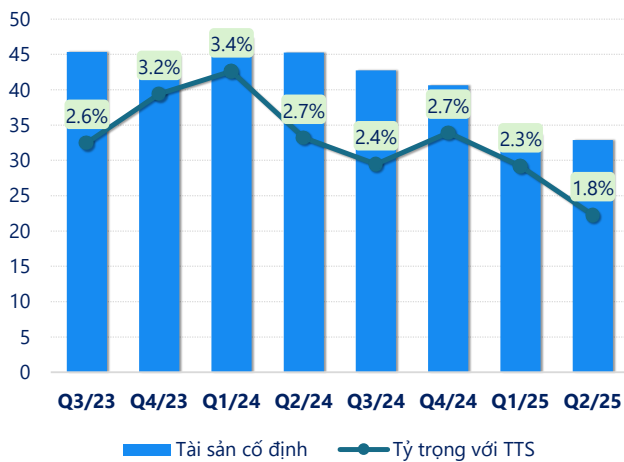
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

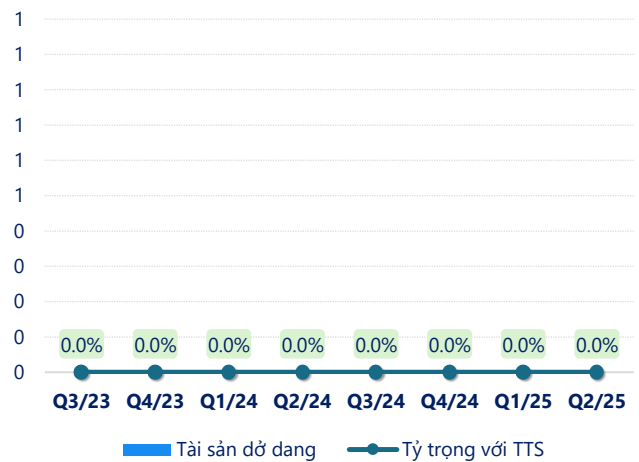
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

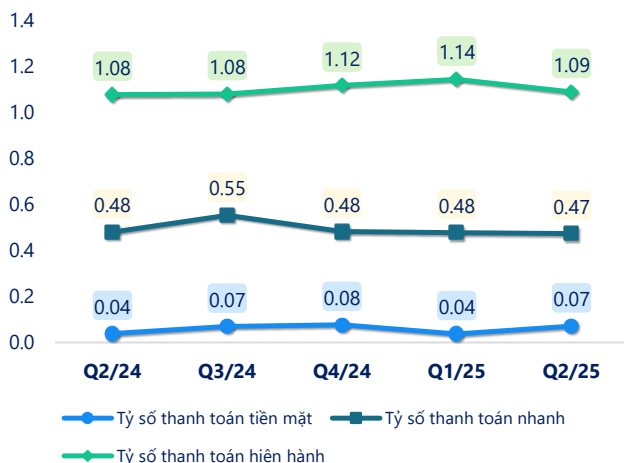
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



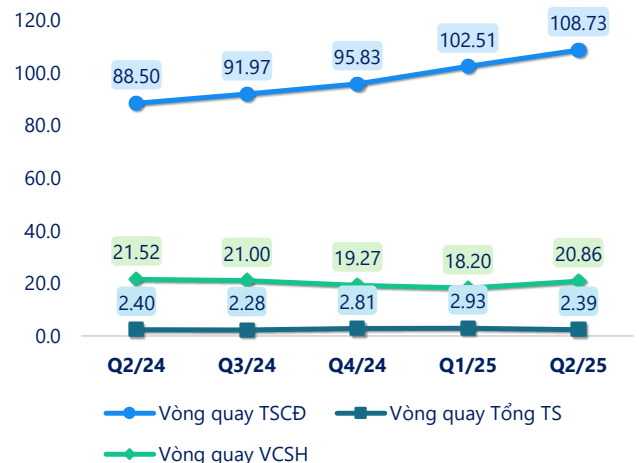
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,704	1,813	1,497	1,441	1,846
Tài sản ngắn hạn	1,625	1,738	1,424	1,375	1,780
Tiền và tương đương tiền	57.6	112	98.0	44.7	115
Đầu tư tài chính ngắn hạn	420	476	375	382	409
Phải thu ngắn hạn	242	300	139	146	245
Hàng tồn kho	902	849	809	801	1,006
Tài sản ngắn hạn khác	3.57	1.42	3.05	1.56	3.46
Tài sản dài hạn	79.1	75.3	72.9	65.5	66.8
Phải thu dài hạn	32.0	30.9	30.8	30.9	33.2
Tài sản cố định	45.3	42.8	40.7	33.6	32.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.82	1.65	1.43	0.89	0.77
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,510	1,611	1,275	1,203	1,633
Nợ ngắn hạn	1,508	1,609	1,275	1,203	1,633
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	1,352	1,386	1,125	1,104	1,471
Nợ dài hạn	1.76	1.99	0.60	0.57	0.57
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	195	203	222	238	213
Vốn chủ sở hữu	195	203	222	238	213
Vốn điều lệ	128	128	128	128	128
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)